

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 294/2025/DS-ST
Ngày: 22 - 5 - 2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Bé;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1011/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 225/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nhâm Kim V, sinh năm 1972;

Nơi đăng ký thường trú: Số A đường T, Tổ E, Khu phố F, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Dư Kim A, sinh năm 1958;

Nơi đăng ký thường trú: Số A đường C, Tổ A, Ấp C, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nhâm Kim V trình bày:

Do có quan hệ quen biết và bà A cần tiền để làm ăn, mua bán đất nên bà nhiều lần cho bà Dư Kim A vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 28/02/2023, bà cho bà A vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 (sáu) tháng, lãi suất thỏa thuận.

Ngày 18/3/2023, bà cho bà A vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 (sáu) tháng, lãi suất thỏa thuận.

Ngày 31/8/2023, bà tiếp tục cho bà A vay số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 (ba) tháng, lãi suất thỏa thuận.

Tổng số tiền bà cho bà A vay là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Tất cả các lần bà cho bà A vay tiền đều được lập thành văn bản. Theo các giấy vay tiền nêu trên có nội dung lãi suất thỏa thuận nhưng thực tế bà chưa nhận tiền lãi của bà A. Đến thời hạn theo thỏa thuận, bà A không thực hiện nghĩa vụ và hứa sẽ bán nhà, đất để trả nợ cho bà nhưng đến nay bà A vẫn không thực hiện và lẩn tránh bà. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Dư Kim A phải trả cho bà tổng số tiền nợ là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà V trình bày năm 2006 bà có đăng ký kết hôn với ông Huỳnh Hữu L, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: Số B, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số A đường T, Tổ E, Khu phố F, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng bà cho bà Dư Kim A vay là tài sản riêng của bà, không liên quan đến chồng bà là ông Huỳnh Hữu L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nhâm Kim V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Dư Kim A có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà Dư Kim A vắng mặt tại phiên tòa.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

Về tố tụng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử; thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định; việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhâm Kim V, buộc bà Dư Kim A có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 19/11/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tổng cộng là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại Số A đường C, Tổ A, Ấp C, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là bà Dur Kim A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Dur Kim A theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà V xác định số tiền bà cho bà A vay là tiền cá nhân của bà, không liên quan đến chồng bà là ông Huỳnh Hữu L, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: Số B, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số A đường T, Tổ E, Khu phố F, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án không đưa ông Huỳnh Hữu L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hình thức:

Tại các giấy vay tiền ngày 28/02/2023, 18/3/2023, 31/8/2023, bà Nhâm Kim V và bà Dur Kim A thỏa thuận bà V cho bà A vay tiền với tổng số tiền là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Như vậy, về mặt hình thức, các giấy vay tiền ngày 28/02/2023, 18/3/2023, 31/8/2023 đã được lập thành văn bản, phù hợp với Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tài sản không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

[3.2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19/11/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nhâm Kim V yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tổng cộng là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng theo các giấy vay tiền ngày 28/02/2023, 18/3/2023, 31/8/2023, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để cung cấp lời khai, trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19/12/2024 của Trung tâm hòa giải đối thoại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, bà Dư Kim A xác nhận bà còn nợ bà Nhâm Kim V tổng số tiền nợ là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại giấy vay tiền ngày 28/02/2023 thể hiện bà V cho bà A vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất thỏa thuận; giấy vay tiền ngày 18/3/2023 thể hiện bà V cho bà A vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất thỏa thuận và giấy vay tiền ngày 31/8/2023 thể hiện bà V cho bà A vay số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn 03 tháng, lãi suất thỏa thuận. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, bà A không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, bà V yêu cầu bà A trả lại số tiền nợ 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn bà Nhâm Kim V không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Dư Kim A là người cao tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà A không đến Tòa và cũng không gửi đơn xin miễn án phí. Do đó, bà Dư Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhâm Kim V.

Buộc bà Dư Kim A có nghĩa vụ trả cho bà Nhâm Kim V tổng số tiền nợ là 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng theo các giấy vay tiền ngày 28/02/2023, 18/3/2023, 31/8/2023.

Thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà A chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dư Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

H lại cho bà Nhâm Kim V số tiền tạm ứng án phí là 11.000.000 (mười một triệu) đồng bà V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0063278 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc